UBND TỈNH THÁI NGUYÊN **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 740 /QĐ-SGDĐT	*Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xét tuyển vào lớp 10 THPT Chuyên tỉnh Thái Nguyên
Năm học 2024-2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Chuyên;

Căn cứ kế hoạch số 774/KH-SGDĐT ngày 16/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên về việc hướng dẫn tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2024-2025;

Căn cứ tờ trình số 286/TTr-THPTCh ngày 16/6/2024 của Trường THPT Chuyên về việc xét tuyển vào lớp 10 trường THPT Chuyên năm học 2024-2025;

Căn cứ kết quả điểm thi của Hội đồng chấm thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của lãnh đạo phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các thí sinh có đủ các điều kiện sau đây trúng tuyển vào lớp 10 THPT Chuyên tỉnh Thái Nguyên năm học 2024–2025 (*có danh sách kèm theo*).

Xét trúng tuyển gồm **390** thí sinh dự thi đủ các môn, điểm từng môn thi từ 4,00 trở lên, điểm chuẩn cụ thể như sau:

STT	Môn	Số lượng đăng kí dự thi	Số lượng trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Chuyên Toán	186	30	≥ 51.50	16.13%	Có dùng tiêu chí phụ
2	Chuyên Văn	188	30	≥ 52.00	15.96%	Có dùng tiêu chí phụ
3	Chuyên Tiếng Anh	235	60	≥ 55.40	25.53%	
4	Chuyên Lí	83	30	≥ 56.50	36.14%	
5	Chuyên Hóa	105	30	≥ 56.75	28.57%	
6	Chuyên Sinh	85	30	≥ 53.25	35.29%	
7	Chuyên Tin	185	30	≥ 55.00	16.22%	Có dùng tiêu chí phụ

8	Chuyên Tiếng Nga	106	30	≥ 50.40	28.30%	
9	Chuyên Tiếng Pháp	99	30	≥ 50.45	30.30%	Có dùng tiêu chí phụ
10	Chuyên Tiếng Trung	137	30	≥ 53.75	21.90%	
11	Chuyên Sử	100	30	≥ 48.00	30.00%	
12	Chuyên Địa	77	30	≥ 53.00	38.96%	
	Tổng cộng	1104	390			

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng KT&KĐCLGD, Hiệu trưởng trường THPT Chuyên tỉnh Thái Nguyên và các thí sinh dự thi đạt điều kiện quy định tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KT&KĐCLGD.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH THÁI NGUYÊN

Phạm Việt Đức

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN TOÁN
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Nghiêm Thành Vinh	05/07/2009	0011081	9,50	8,75	10,00	6,75	**58,00**
2	Nguyễn Thảo Linh	10/12/2009	0010598	10,00	8,75	8,25	6,75	**57,25**
3	Nguyễn An Thuyên	08/04/2009	0010984	10,00	8,00	9,50	6,50	**57,00**
4	Lê Vũ Minh	21/01/2009	0010681	8,75	8,00	9,25	7,00	**55,75**
5	Nguyễn Minh Nhật	31/08/2009	0010804	9,50	8,25	9,00	6,25	**55,00**
6	Nguyễn Thế Vũ	30/06/2009	0011087	10,00	8,50	8,50	6,00	**55,00**
7	Đặng Huyền Thương	06/07/2009	0010999	9,50	8,50	9,25	6,00	**54,75**
8	Trần Ngọc Minh	13/10/2009	0010705	10,00	8,75	8,50	5,75	**54,50**
9	Trần Anh Long	19/10/2009	0010629	9,50	8,00	9,25	6,00	**54,25**
10	Trần Minh	05/04/2009	0010703	9,50	8,50	9,50	5,75	**54,25**
11	Lương Đình Bình	29/08/2009	0010166	9,75	7,75	9,50	5,75	**54,00**
12	Mạc Huy Hùng	20/09/2009	0010443	9,50	8,75	9,00	5,75	**54,00**
13	Chu Nhật Minh	18/06/2009	0010663	9,25	8,00	9,25	6,00	**53,75**
14	Trần Hải Đăng	27/07/2009	0010329	9,50	8,50	9,00	5,75	**53,75**
15	Lê Hoàng Minh Hòa	04/07/2009	0010417	9,25	9,25	8,75	5,75	**53,75**
16	Lê Văn Thịnh	07/07/2009	0010965	9,25	8,00	8,25	6,25	**53,50**
17	Nguyễn Trường Sơn	14/04/2009	0010907	9,75	6,25	8,75	6,25	**53,25**
18	Doãn Phong Cảnh	19/01/2009	0010172	9,75	8,00	7,75	6,00	**53,25**
19	Tô Trung Kiên	29/05/2009	0010526	10,00	7,50	9,25	5,50	**53,25**
20	Hoàng Anh Thái	08/10/2009	0010915	9,50	7,50	9,25	5,75	**53,00**
21	Nguyễn Đào Quang Anh	13/08/2009	0010062	9,50	9,00	9,25	5,25	**53,00**
22	Nguyễn Duy Bằng	26/04/2009	0010159	9,75	8,25	9,50	5,25	**53,00**
23	Dương Tuấn Kiệt	27/01/2009	0010528	10,00	7,25	9,00	5,50	**52,75**
24	Trình Đào Anh Quân	30/08/2009	0010885	9,50	8,50	8,75	5,50	**52,75**
25	Nguyễn Việt Hoàng	15/09/2009	0010433	9,50	8,00	9,00	5,50	**52,50**
26	Vũ Đức Toàn	10/04/2009	0011014	9,50	8,50	10,00	5,00	**52,50**
27	Phạm Khánh Duy	20/12/2009	0010277	9,50	8,25	9,25	5,25	**52,25**
28	Nguyễn Xuân Hùng	04/01/2009	0010446	9,50	8,50	9,00	5,25	**52,25**
29	Nguyễn Huy Hoàng	26/07/2009	0010430	9,00	8,50	8,75	5,50	**51,75**
30	Phạm Tuấn Hưng	20/09/2009	0010481	9,50	7,25	8,00	5,75	**51,50**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN NGỮ VĂN
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Đặng Thanh Thảo	27/09/2009	0010931	8,25	9,25	8,00	8,25	**59,50**
2	Trịnh Mai Anh	19/05/2009	0010108	9,75	9,25	8,75	7,50	**59,50**
3	Thân Thị Yến Nhi	04/07/2009	0010817	8,50	8,75	9,25	7,75	**58,50**
4	Nguyễn Phương Thảo	30/09/2009	0010948	9,50	9,00	7,75	7,75	**58,50**
5	Vũ Phương Anh	28/07/2009	0010120	8,75	9,00	8,75	7,50	**58,00**
6	Lê Gia My	29/01/2009	0010715	7,75	8,75	7,50	8,25	**57,50**
7	Kiều Thúy An	01/06/2009	0010007	8,75	9,25	8,50	7,25	**57,50**
8	Vũ Minh Hiền	19/02/2009	0010398	9,00	9,25	8,00	7,00	**56,50**
9	Hoàng Quỳnh Anh	07/10/2009	0010042	8,50	9,00	6,50	7,75	**56,25**
10	Nguyễn Minh Huyền	28/06/2009	0010463	8,75	8,50	9,00	7,00	**55,75**
11	Vũ Hòa An	26/01/2009	0010013	8,00	9,25	9,00	6,75	**55,75**
12	Phạm Hải Anh	13/10/2009	0010090	8,00	9,25	9,00	6,75	**55,75**
13	Phạm Lưu Bảo Ngọc	07/10/2009	0010779	9,25	8,75	8,50	6,75	**55,50**
14	Dương Phương Hoa	16/12/2009	0010414	7,50	8,75	9,25	7,00	**55,25**
15	Nguyễn Vi Anh	02/04/2009	0010083	8,75	8,75	8,00	6,75	**54,50**
16	Hoàng Thị Minh Trang	07/02/2009	0011019	8,25	8,75	7,00	7,00	**53,75**
17	Nguyễn Phương Chi	12/06/2009	0010213	8,00	9,00	8,00	6,50	**53,50**
18	Lưu Hà Linh	24/05/2009	0010580	8,00	8,50	7,50	6,75	**52,75**
19	Vũ Bảo Chi	18/10/2009	0010230	8,00	9,00	8,75	6,00	**52,75**
20	Trần Ngọc Ánh Dương	14/03/2009	0010303	8,50	8,50	9,25	6,00	**52,75**
21	Hoàng Lê Quỳnh Hương	08/05/2009	0010486	8,25	8,75	9,00	6,00	**52,75**
22	Nguyễn Phương Mai	17/11/2009	0010648	7,75	8,75	6,25	7,00	**52,50**
23	Diệp Thị Phương	25/01/2009	0010842	7,75	8,00	8,50	6,75	**52,50**
24	Trần Diệu Linh	25/06/2009	0010606	8,00	8,75	8,25	6,25	**52,50**
25	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/12/2009	0011024	8,50	8,75	9,25	5,75	**52,50**
26	Hoàng Phương Thảo	03/12/2009	0010936	9,00	9,00	9,00	5,50	**52,50**
27	Hoàng Tuệ Minh	30/08/2009	0010679	7,25	8,75	7,25	6,75	**52,25**
28	Cao Hoàng Phương Anh	08/03/2009	0010019	8,25	9,00	6,50	6,50	**52,25**
29	Nguyễn Hà Thu	31/01/2009	0010974	8,00	9,00	9,00	5,75	**52,25**
30	Trần Thị Thùy Dung	30/06/2009	0010256	7,50	8,75	6,00	7,00	**52,00**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN TIẾNG ANH
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Phan Châu Anh	13/03/2009	0010096	9,50	8,50	10,00	9,30	**65,90**
2	Nguyễn Kiều Anh	20/10/2009	0010068	9,50	9,50	9,75	8,80	**64,90**
3	Nguyễn Tường Vi	16/04/2009	0011071	9,50	9,00	10,00	8,50	**64,00**
4	Nguyễn Hà Linh	17/02/2009	0010585	9,25	9,25	10,00	7,70	**61,60**
5	Ma Thị Thùy Dương	13/01/2009	0010295	9,00	8,25	10,00	7,90	**60,95**
6	Bùi Minh Anh	22/09/2009	0010016	8,50	9,00	10,00	7,80	**60,90**
7	Phạm Bảo An	11/08/2009	0010012	9,00	8,50	9,75	7,90	**60,70**
8	Nguyễn Trần Quang Anh	30/01/2009	0010082	9,50	8,00	9,75	7,80	**60,40**
9	Hà Khánh Linh	18/02/2009	0010570	8,25	7,75	10,00	8,10	**60,30**
10	Phạm Ngọc Minh	05/11/2009	0010701	9,50	8,25	10,00	7,50	**60,25**
11	Lê Tùng Dương	03/02/2009	0010294	8,75	8,25	10,00	7,70	**60,10**
12	Đặng Nguyễn Hà Anh	24/12/2009	0010028	8,50	8,25	10,00	7,70	**59,85**
13	Trương Uyên Nhi	05/03/2009	0010820	9,50	8,00	9,75	7,60	**59,80**
14	Trần Huyền Thư	19/12/2009	0010993	9,25	8,00	10,00	7,50	**59,75**
15	Lê Phương Linh	27/03/2009	0010577	8,75	8,00	9,75	7,80	**59,65**
16	Ngô Diệp Chi	19/01/2009	0010199	9,25	8,75	10,00	7,20	**59,60**
17	Dương Thủy Nguyên	19/05/2009	0010784	9,25	9,00	9,75	7,20	**59,35**
18	Nguyễn Hà Gia Bảo	06/12/2009	0010150	9,00	8,00	9,75	7,60	**59,30**
19	Nguyễn Thị Thanh Mai	26/06/2009	0010651	9,50	9,00	9,75	7,10	**59,30**
21	Nguyễn Phương Thảo	15/11/2009	0010945	9,00	8,75	9,50	7,50	**59,25**
20	Hoàng Tiến Minh	13/10/2009	0010677	9,25	8,75	9,25	7,50	**59,00**
22	Nguyễn Trung Nguyên	09/10/2009	0010790	9,75	8,25	10,00	7,00	**59,00**
23	Đinh Hải Anh	06/02/2009	0010030	8,50	9,00	10,00	7,10	**58,80**
24	Nguyễn Thanh Mai	28/10/2009	0010649	9,25	8,00	9,50	7,50	**58,75**
25	Nguyễn Trà My	21/01/2009	0010721	9,75	9,00	9,75	6,80	**58,65**
26	Nguyễn Hoàng Đạo	17/01/2009	0010310	9,00	8,00	10,00	7,20	**58,60**
27	Nguyễn Thiện Minh	13/03/2009	0010696	8,75	8,25	9,50	7,50	**58,50**
28	Vũ Minh Thu	05/10/2009	0010977	9,00	8,75	10,00	6,90	**58,45**
29	Chu Phạm Việt Hưng	07/01/2009	0010468	9,00	7,50	10,00	7,30	**58,40**
30	Lèng Tiến Nam	20/05/2009	0010733	9,50	8,50	10,00	6,80	**58,40**
31	Cao Thanh An	29/03/2009	0010001	9,25	9,00	9,50	7,00	**58,25**
33	Trần Hoàng Mai	24/08/2009	0010654	9,50	8,50	9,75	6,90	**58,20**
34	Trần Đức Anh	06/09/2009	0010099	9,00	7,50	10,00	7,20	**58,10**
32	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	14/07/2009	0010072	8,75	8,50	9,75	7,10	**58,05**
35	Nguyễn Hoàng Khánh Ngân	03/05/2009	0010748	9,00	9,25	10,00	6,60	**58,05**
36	Hoàng Lê Quỳnh Anh	01/03/2009	0010040	8,00	8,50	9,75	7,30	**57,90**
38	Trần Phương Linh	25/06/2009	0010611	8,25	8,75	9,50	7,30	**57,90**
37	Nguyễn Huy Đức	13/10/2009	0010342	9,00	7,25	9,50	7,50	**57,75**

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
39	Đàm Hải Anh	17/01/2009	0010025	8,50	8,50	10,00	6,90	**57,70**
40	Cao Thành Vinh	26/11/2009	0011079	9,25	8,25	9,75	6,90	**57,70**
41	Ngọ Quỳnh Anh	01/10/2009	0010057	9,00	8,50	10,00	6,70	**57,60**
43	Nguyễn Bảo Lâm	10/08/2009	0010543	7,50	7,25	10,00	7,50	**57,25**
42	Nguyễn Gia Minh	05/01/2009	0010688	9,25	8,25	9,75	6,70	**57,10**
45	Vũ Ngọc Xuân Hồng	22/10/2009	0010438	8,25	8,75	9,75	6,80	**56,90**
44	Phạm Mai Phương	20/07/2009	0010863	8,75	9,00	9,50	6,70	**56,85**
46	Lê Khánh Vy	02/05/2009	0011091	9,25	9,25	9,25	6,60	**56,80**
47	Nguyễn Trung Cường	04/05/2009	0010244	8,75	8,00	9,75	6,80	**56,65**
48	Lê Nguyễn Khánh Linh	18/07/2009	0010576	8,75	8,25	9,75	6,70	**56,60**
49	Nguyễn Trần Khánh Huyền	09/02/2009	0010466	9,75	9,25	9,75	6,00	**56,50**
50	Đào Khánh Huyền	24/12/2009	0010459	8,00	8,25	9,75	6,90	**56,45**
51	Nguyễn Lê Diệu Thảo	30/10/2009	0010943	8,50	8,75	9,25	6,90	**56,45**
52	Nguyễn Minh Hải	28/11/2009	0010374	8,50	8,75	9,25	6,70	**55,85**
53	Trịnh Hà Anh	19/02/2009	0010105	9,50	8,25	9,75	6,20	**55,85**
54	Nông Nguyễn Thảo My	04/06/2009	0010722	8,50	8,25	9,00	7,00	**55,75**
55	Bùi An Bình	13/07/2009	0010161	9,50	8,00	9,75	6,20	**55,60**
56	Chu Thảo Linh	03/08/2009	0010556	9,00	8,50	9,75	6,20	**55,60**
57	Nguyễn Đào Thảo Chi	02/01/2009	0010206	8,25	9,00	10,00	6,10	**55,55**
58	Đinh Kim Thu Hương	09/05/2009	0010485	8,50	8,50	9,50	6,50	**55,50**
59	Nguyễn Mai Trang	30/06/2009	0011021	8,75	8,50	9,50	6,40	**55,45**
60	Bùi Gia Huy	31/05/2009	0010447	8,25	8,75	9,75	6,30	**55,40**

Ấn định danh sách này có 60 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN VẬT LÍ
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Đàm Lê Bảo Châu	27/01/2009	0010175	9,50	8,50	9,25	9,50	**65,25**
2	Vũ Thị Thùy Châm	05/11/2009	0010173	9,50	9,25	9,75	9,00	**65,00**
3	Lý Vũ Hiếu	19/02/2009	0010408	9,50	8,00	10,00	9,25	**64,75**
4	Lương Duy Long	06/06/2009	0010627	9,25	7,75	9,00	9,50	**63,75**
5	Nguyễn Minh Đăng	24/09/2009	0010327	9,50	8,50	8,50	9,00	**63,00**
6	Nguyễn Tiến Đạt	19/07/2009	0010319	8,75	8,50	9,00	8,75	**61,25**
7	Đinh Hoàng Minh	01/09/2009	0010670	8,75	8,50	9,00	8,75	**61,25**
8	Hà Linh	14/02/2009	0010569	9,50	8,25	8,75	8,25	**60,75**
9	Triệu Thủy Tiên	23/07/2009	0011006	9,50	9,00	9,50	7,75	**60,75**
10	Nguyễn Duy Quang	09/10/2009	0010876	9,50	7,75	7,25	8,75	**60,25**
11	Đỗ Trần Hải Long	24/09/2009	0010624	9,25	8,00	8,75	8,25	**60,00**
12	Lã Thu Uyên	07/09/2009	0011062	9,00	8,00	8,25	8,50	**59,75**
13	Lê Anh	27/03/2009	0010046	9,50	8,50	9,00	7,75	**59,75**
14	Ngô Minh Đức	13/08/2009	0010339	9,50	8,00	8,25	8,00	**59,25**
15	Lê Trang Linh	04/06/2009	0010578	9,50	8,25	8,75	7,75	**59,25**
16	Bùi Hải Đăng	14/03/2009	0010321	9,50	8,50	9,25	7,50	**59,25**
17	Tô Hiển Long	07/09/2009	0010628	9,00	7,25	9,50	8,00	**58,75**
18	Hoàng Thùy Giang	01/02/2009	0010350	8,75	7,50	8,75	8,25	**58,50**
19	Nguyễn Thanh Thảo	22/03/2009	0010949	9,00	7,75	7,75	8,25	**58,25**
20	Lê Huy Hoàng	18/10/2009	0010424	9,50	7,00	8,25	8,00	**58,25**
21	Lê Ngọc Huyền Trang	12/09/2009	0011020	9,25	8,50	8,75	7,50	**58,25**
22	Bùi Tuấn Huy	04/06/2009	0010449	9,25	8,50	9,50	7,25	**58,25**
23	Ma Đình Vũ	04/02/2009	0011084	8,75	7,75	7,25	8,50	**58,00**
24	Nguyễn Duy Khoa	17/02/2009	0010519	9,25	8,50	9,25	7,00	**57,25**
25	Đinh Thị Thu Vinh	09/11/2009	0011080	8,75	7,50	7,25	8,25	**57,00**
26	Đoàn Tuấn Hưng	11/05/2009	0010471	8,50	8,25	9,25	7,50	**57,00**
27	Dương Lý Hải Yến	10/09/2009	0011096	9,25	8,50	9,00	7,00	**57,00**
28	Lưu Thế Ngọc	24/04/2009	0010769	8,75	7,50	8,25	7,75	**56,50**
29	Ngô Xuân Đạt	24/02/2009	0010316	9,00	7,75	9,00	7,25	**56,50**
30	Hà Đỗ Quang Minh	08/07/2009	0010673	9,50	8,75	10,00	6,25	**56,50**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN HÓA HỌC
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Đoàn Hải Anh	26/10/2009	0010032	9,50	8,50	9,00	9,50	**65,00**
2	Vũ Anh Minh	06/12/2009	0010709	9,25	8,25	9,25	9,63	**64,89**
3	Vũ Phương Linh	25/10/2009	0010620	8,75	8,00	9,50	9,63	**63,89**
4	Nông Thùy Chi	22/10/2009	0010221	9,50	9,00	8,00	9,13	**63,39**
5	Hà Trung Hiếu	13/07/2009	0010404	9,00	8,50	9,00	9,25	**63,25**
6	Cao Thanh Bình	29/03/2009	0010163	9,25	8,25	8,75	8,88	**62,14**
7	Nguyễn Hà Minh Châu	03/02/2009	0010183	9,50	8,25	9,50	8,38	**61,89**
8	Nguyễn Anh Tùng	31/12/2009	0011058	9,25	8,00	9,75	8,50	**61,75**
9	Mai Khánh Sơn	30/05/2009	0010904	9,25	8,75	9,75	8,00	**61,00**
10	Nguyễn Anh Đức	11/09/2009	0010341	9,25	8,00	8,50	8,63	**60,89**
11	Đào Ngọc Bích	06/10/2009	0010160	9,50	8,50	6,25	9,00	**60,75**
12	Chu Hoàng Dũng	30/12/2009	0010258	8,50	8,00	9,25	8,75	**60,50**
13	Phạm Bùi Nhật Minh	24/02/2009	0010700	8,75	8,50	8,75	8,50	**60,25**
14	Nguyễn Kiều Oanh	22/02/2009	0010829	9,00	8,25	8,25	8,50	**60,00**
15	Hoàng Thị Thanh Thảo	16/12/2009	0010938	9,25	8,25	8,25	8,25	**59,75**
16	Nguyễn Đăng Nguyên	28/05/2009	0010787	9,50	9,25	8,00	7,75	**59,50**
17	Vương Thành Đạt	30/01/2009	0010320	8,75	8,50	9,00	8,00	**59,00**
18	Đỗ Quỳnh Mai	09/02/2009	0010640	9,00	8,00	9,50	7,75	**58,75**
19	Đỗ Vân Anh	05/08/2009	0010036	9,50	8,50	8,25	7,63	**58,64**
20	Lã Quyết Tiến	05/12/2009	0011008	9,25	8,50	9,25	7,25	**58,00**
21	Nguyễn Mai Phương Thúy	01/08/2009	0010982	9,25	8,50	8,00	7,63	**57,89**
22	Hồ Tùng Anh	15/04/2009	0010043	8,25	8,50	9,75	7,63	**57,64**
23	Đào Hà Linh	23/08/2009	0010559	8,75	8,50	9,75	7,25	**57,50**
24	Nguyễn Thành Thái	19/01/2009	0010917	9,00	7,00	9,00	7,75	**57,25**
25	Lê Hùng Linh	20/04/2009	0010575	9,50	8,50	8,75	7,00	**57,25**
26	Hồ Đức Dũng	28/06/2009	0010263	9,50	8,25	8,00	7,25	**57,00**
27	Dương Duy Khoa	16/10/2009	0010514	8,75	8,75	9,25	7,13	**56,89**
28	Lê Vũ Đăng Bảo	01/07/2009	0010145	9,00	8,00	8,25	7,50	**56,75**
29	Trần Minh Nam	27/07/2009	0010736	9,25	7,50	8,25	7,50	**56,75**
30	Phan Đức Anh	03/02/2009	0010097	9,50	8,25	10,00	6,50	**56,75**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN SINH HỌC
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Nguyễn Diệp Chi	06/01/2009	0010205	9,25	9,25	9,75	9,25	**65,25**
2	Đỗ Ngọc Anh Thư	14/01/2009	0010988	9,50	8,25	9,25	9,25	**64,25**
3	Vũ Thảo Hiền	30/10/2009	0010399	9,00	8,50	9,75	9,00	**63,25**
4	Nguyễn Hoàng Minh Anh	29/12/2009	0010066	9,00	9,00	9,75	8,75	**63,00**
6	Nguyễn Vũ Ngọc Hân	26/11/2009	0010389	9,00	8,25	9,50	9,00	**62,75**
5	Phạm Gia Khánh	12/08/2009	0010508	8,75	8,50	9,00	9,00	**62,00**
7	Dương Ngọc Diệp	31/07/2009	0010247	9,50	8,25	9,00	8,50	**61,75**
8	Kiều Minh Ngọc	20/04/2009	0010766	9,50	8,25	9,75	8,25	**61,75**
9	Trần Thị Thu Cúc	21/09/2009	0010240	9,25	8,25	9,00	8,50	**61,25**
10	Tô Nông Tùng Lâm	02/11/2009	0010546	9,50	8,50	8,75	8,25	**61,00**
11	Triệu Việt Anh	21/09/2009	0010104	9,50	9,00	8,75	8,00	**60,75**
12	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng	19/05/2009	0010432	9,00	8,50	9,00	8,00	**59,50**
13	Lê Quỳnh Mai	13/12/2009	0010642	8,50	8,50	8,75	8,25	**59,00**
14	Nguyễn Phương Linh	30/12/2009	0010597	8,25	8,50	8,75	8,25	**58,50**
15	Nguyễn Quang Đức	02/03/2009	0010346	9,50	7,00	9,25	7,75	**58,50**
18	Chu Phương Thảo	17/12/2009	0010928	9,25	8,75	9,00	7,38	**58,39**
16	Nguyễn Thu Hà	05/12/2009	0010368	8,50	8,50	7,75	8,00	**57,25**
19	Phạm Đức Mạnh	28/07/2009	0010658	9,00	8,25	8,00	7,50	**56,75**
17	Đinh Bảo An	19/04/2009	0010004	8,25	8,00	8,00	8,00	**56,50**
20	Dương Phương Anh	14/03/2009	0010023	9,00	9,00	9,00	6,75	**56,25**
21	Hoàng Ngọc Diệp	05/07/2009	0010248	8,50	8,25	8,50	7,38	**55,89**
22	Ngô Thu Uyên	07/11/2009	0011064	8,25	8,75	8,75	7,25	**55,75**
23	Võ Đặng Bảo Châu	08/09/2009	0010186	8,75	8,50	8,75	7,00	**55,75**
24	Nguyễn Quỳnh Trang	02/10/2009	0011023	9,25	8,50	8,75	6,50	**55,25**
25	Trần Xuân Lộc	03/06/2009	0010634	8,00	8,25	9,00	7,25	**55,00**
26	Triệu Lan Chi	16/10/2009	0010228	8,25	9,00	7,50	7,00	**54,00**
27	Dương Hà Anh	18/08/2009	0010022	7,75	9,00	8,25	6,98	**53,69**
28	Nguyễn Đặng Nhật Minh	11/10/2009	0010686	8,25	8,25	6,25	7,50	**53,50**
29	Nguyễn Thị Mai Anh	04/03/2009	0010081	8,25	9,00	8,75	6,38	**53,39**
30	Lê Hoàng Trung	19/04/2009	0011036	8,50	8,00	8,00	6,75	**53,25**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN TIN HỌC
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Hoàng Hải Nguyên	26/04/2009	0010786	9,50	8,25	9,25	9,00	**63,50**
2	Nguyễn Hoàng Tiến	09/11/2009	0011009	9,75	8,00	9,25	8,50	**62,25**
3	Vũ Dũng	19/05/2009	0010272	9,00	8,50	8,75	8,75	**61,50**
4	Hoàng Minh Nhật	11/07/2009	0010801	9,00	8,00	10,00	8,50	**61,50**
5	Trần Tuấn Minh	22/09/2009	0010707	9,25	8,00	7,75	8,75	**60,50**
6	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	17/11/2009	0010690	9,75	8,50	9,00	7,25	**58,75**
7	Nguyễn Tri Đăng	27/11/2009	0010328	9,25	8,25	8,50	7,75	**58,50**
8	Trương Tuấn Kiệt	17/11/2009	0010530	9,00	7,50	8,75	8,00	**58,25**
9	Ngô Quang Anh	14/03/2009	0010059	8,75	8,50	9,50	7,25	**57,25**
10	Nguyễn Đức Thắng	11/06/2009	0010961	9,50	8,50	8,00	7,25	**57,25**
11	Trần Phương Anh	20/02/2009	0010102	9,50	9,00	9,00	6,75	**57,25**
12	Đoàn Đức Đông	06/07/2009	0010334	9,50	6,50	9,75	7,25	**57,00**
13	Hoàng Kim Hùng	21/08/2009	0010441	9,75	7,50	8,25	7,25	**57,00**
14	Nguyễn Thị Minh Hằng	03/04/2009	0010380	9,50	8,50	9,25	6,75	**57,00**
15	Nguyễn Bá Khanh	01/04/2009	0010497	8,75	8,25	8,50	7,50	**56,75**
16	Trần Minh Quang	28/09/2009	0010882	9,25	7,50	8,00	7,50	**56,50**
17	Nguyễn Mạnh Cường	03/04/2009	0010243	9,00	8,25	9,25	7,00	**56,50**
18	Nguyễn Bảo Châu	22/09/2009	0010182	9,25	8,50	8,50	7,00	**56,50**
19	Lê Duy Tùng Anh	12/12/2009	0010047	9,50	5,50	9,00	7,50	**56,00**
20	Phan Gia Hiển	22/12/2009	0010400	9,00	8,25	8,00	7,25	**56,00**
21	Bùi Ngọc Tú	20/06/2009	0011043	9,25	7,25	8,50	7,25	**56,00**
22	Đỗ Quốc Hùng	22/02/2009	0010440	9,50	8,50	8,00	6,75	**55,75**
23	Trương Ngọc Ánh	11/06/2009	0010128	9,50	9,00	8,25	6,50	**55,75**
24	Hà Gia Lương	30/04/2009	0010636	8,50	8,25	8,50	7,25	**55,50**
25	Trịnh Minh Hoàng	05/10/2009	0010437	9,00	8,75	8,50	6,75	**55,50**
26	Nguyễn Đức Anh Vũ	10/04/2009	0011085	9,50	6,75	9,50	6,75	**55,50**
27	Vũ Như Phương	25/01/2009	0010867	9,50	9,00	8,00	6,50	**55,50**
28	Nguyễn Đức Toàn	24/09/2009	0011012	9,25	8,00	7,75	7,00	**55,25**
29	Hoàng Minh Phương	10/10/2009	0010850	9,25	8,75	8,50	6,50	**55,25**
30	Trịnh Lê Đức Anh	11/11/2009	0010107	9,50	7,50	8,25	6,75	**55,00**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN LỊCH SỬ
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Cao Hoàng Thùy Dương	03/01/2009	0010284	8,00	8,75	9,25	8,25	**59,50**
2	Lê Ngọc Lan	08/02/2009	0010534	7,25	8,50	8,00	9,00	**59,25**
3	Lê Đức Bình	11/02/2009	0010165	8,00	9,00	9,25	8,00	**59,25**
4	Đoàn Minh Tú	10/01/2009	0011047	9,00	8,50	7,25	8,50	**58,75**
5	Lương Minh Quang	25/07/2009	0010875	8,25	8,00	9,75	7,75	**57,25**
6	Dương Linh Chi	19/06/2009	0010190	9,00	8,25	8,50	7,50	**56,50**
7	Hồ Quang Hưng	18/10/2009	0010473	8,00	8,75	8,25	6,75	**54,00**
8	Đặng Thị Kim Chi	14/06/2009	0010191	8,75	8,25	7,75	6,75	**53,25**
9	Triệu Đức Phát	06/07/2009	0010831	8,50	8,50	7,50	6,75	**53,25**
10	Đỗ Ngọc Quỳnh Anh	11/04/2009	0010034	9,25	9,00	8,75	5,75	**53,25**
11	Cao Thị Hương Giang	09/10/2009	0010349	8,00	8,50	9,25	6,25	**53,00**
12	Phạm Thảo Phương	19/04/2009	0010864	9,00	9,00	7,00	6,25	**52,75**
13	Lý Bảo Trúc	02/03/2009	0011034	8,50	8,50	7,75	6,25	**52,00**
14	Nguyễn Thảo Linh	04/06/2009	0010599	8,25	8,25	7,50	6,50	**51,75**
15	Tạ Thị Phương Thảo	05/03/2009	0010954	9,50	8,75	6,75	6,00	**51,75**
16	Khổng Lê Ánh Dương	15/07/2009	0010293	8,50	8,75	6,50	6,25	**51,25**
17	Trần Nữ Hàn Cơ	22/04/2009	0010238	8,50	8,50	8,25	5,75	**51,00**
18	Mai Thành Trung	02/06/2009	0011038	9,25	8,00	9,25	5,50	**51,00**
19	Trần Quỳnh Trang	29/01/2009	0011029	7,00	8,75	8,25	6,00	**50,75**
20	Lê Thị Hải Yến	22/05/2009	0011098	6,00	8,50	5,75	7,25	**50,50**
21	Hoàng Việt Dũng	25/12/2009	0010262	8,00	8,50	9,00	5,50	**50,50**
22	Nguyễn Anh Tuấn	24/12/2009	0011053	7,00	7,75	6,50	7,00	**50,00**
23	Nguyễn Hoàng Mai	13/11/2009	0010646	7,75	8,50	8,50	5,50	**49,75**
24	Nguyễn Ngọc Linh	02/12/2009	0010594	8,25	8,00	6,50	6,25	**49,50**
25	Nguyễn Huyền My	09/06/2009	0010718	8,50	9,00	8,50	4,75	**49,25**
26	Hà Đức Thuyết	04/12/2009	0010985	8,50	8,00	7,00	5,75	**48,75**
27	Ngô Gia Bảo	21/01/2009	0010148	7,25	8,75	9,00	5,00	**48,75**
28	Đặng Phương Anh	10/06/2009	0010029	8,75	8,75	8,75	4,50	**48,50**
29	Nguyễn Thị Bảo Châu	07/11/2009	0010184	7,50	8,25	9,00	5,00	**48,00**
30	Phạm Quang Thái	15/02/2009	0010918	9,50	8,25	7,75	4,75	**48,00**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN ĐỊA LÍ
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Cam Thị Ngọc Châu	25/10/2009	0010174	9,00	9,00	8,75	8,25	**60,50**
2	Tạ Ngọc Gia Hân	14/02/2009	0010391	8,75	8,00	9,25	8,50	**59,50**
3	Mai Ngọc Minh	31/12/2009	0010683	9,00	8,25	8,00	8,25	**58,25**
4	Nguyễn Phương Chi	06/12/2009	0010212	8,50	8,25	8,75	8,00	**57,75**
5	Nguyễn Đình Khánh	20/07/2009	0010505	8,25	8,25	9,00	8,00	**57,75**
6	Nguyễn Thanh Thảo	15/05/2009	0010950	8,00	8,75	8,00	8,00	**57,50**
7	Hoàng Ngọc Hà	20/11/2009	0010363	9,50	8,50	8,50	7,50	**57,50**
8	Nguyễn Tiểu Điệp	07/01/2009	0010332	7,75	8,75	9,00	7,50	**56,75**
9	Bùi Đoàn Quỳnh Anh	14/09/2009	0010015	9,50	8,50	9,25	7,00	**56,75**
10	Nguyễn Minh Hoàng	03/02/2009	0010431	8,00	8,00	8,50	8,00	**56,50**
11	Nguyễn Ngọc Anh	30/04/2009	0010071	7,50	8,75	8,25	7,75	**56,50**
12	Dương Minh Trang	23/08/2009	0011017	8,00	8,25	8,75	7,75	**56,50**
13	Trần Sơn Tùng	02/03/2009	0011059	8,75	7,50	7,75	8,25	**56,25**
14	Đỗ Phạm Bảo Long	18/07/2009	0010623	9,00	7,75	8,50	7,75	**56,25**
15	Vũ Nhật Anh	30/10/2009	0010118	9,50	8,00	8,00	7,50	**56,00**
16	Phạm Quảng Bình	15/07/2009	0010170	9,50	8,75	7,00	7,25	**55,75**
17	Văn Ngọc Bảo Anh	05/10/2009	0010109	8,00	8,50	7,50	7,50	**55,00**
18	Dương Phương Anh	12/06/2009	0010024	8,00	8,50	8,75	7,00	**54,75**
19	Nguyễn Hồ Ngọc Mai	02/11/2009	0010647	9,00	8,25	9,00	6,75	**54,75**
20	Dương Hồng Ngọc	05/06/2009	0010758	9,00	8,00	8,25	7,00	**54,25**
21	Đặng Thùy Chi	08/08/2009	0010192	8,00	8,75	8,00	6,75	**53,75**
22	Cao Huyền Hương	20/02/2009	0010484	8,75	7,50	8,00	7,25	**53,50**
23	Lương Tú Uyên	09/02/2009	0011063	8,75	7,75	8,00	7,00	**53,25**
24	Vũ Hiểu Linh	09/11/2009	0010614	8,00	8,25	8,50	6,75	**53,25**
25	Phạm Phương Anh	02/11/2009	0010092	8,50	8,50	8,25	6,50	**53,25**
26	Hà Khánh Chi	16/02/2009	0010193	7,50	9,00	8,25	6,50	**53,25**
27	Ngô Gia Nhuệ	22/06/2009	0010824	8,00	8,75	9,00	6,25	**53,25**
28	Vũ Thùy Dương	27/03/2009	0010307	8,25	8,00	8,50	6,75	**53,00**
29	Trịnh Lâm Mai Phương	03/02/2009	0010866	8,25	8,25	8,00	6,75	**53,00**
30	Nguyễn Kim Cúc	23/10/2009	0010239	8,00	9,00	7,50	6,50	**53,00**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN TIẾNG NGA
NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Đỗ Thúy Huyền	21/03/2009	0010460	7,25	8,25	9,75	7,50	**57,50**
2	Đặng Trường Toàn	23/01/2009	0011011	8,75	8,25	9,50	7,10	**57,30**
3	Nguyễn Khắc Đăng Khoa	23/08/2009	0010521	7,75	8,75	9,50	7,00	**56,50**
4	Nguyễn Thị Khánh Linh	04/07/2009	0010600	8,50	8,00	9,50	7,00	**56,50**
5	Hà Vi Mai Phương	27/06/2009	0010848	8,25	9,00	9,25	6,80	**56,15**
6	Nguyễn Tất Hưng	29/07/2009	0010479	8,00	7,50	9,50	7,20	**56,10**
7	Lê Minh Hoàng	20/10/2009	0010425	9,50	8,00	9,25	6,70	**56,10**
8	Đào Nhật Uy Bảo	27/11/2009	0010139	8,25	8,00	9,00	7,10	**55,55**
9	Nguyễn Hà Ngân	20/06/2009	0010747	7,75	8,00	8,75	7,00	**54,25**
10	Lê Quang Đăng	15/12/2009	0010323	9,25	9,00	9,25	5,80	**54,15**
11	Nguyễn Như Quỳnh	15/02/2009	0010896	8,50	7,75	9,75	6,10	**54,05**
12	Nguyễn Ngọc Linh	07/08/2009	0010592	9,25	8,25	9,25	5,90	**53,70**
13	Đào Tuệ Linh	19/10/2009	0010560	7,75	8,00	9,50	6,30	**53,65**
14	Hoàng Thị Minh Châu	09/08/2009	0010178	8,00	8,75	9,75	5,80	**53,65**
15	Nguyễn Hoàng Anh	17/01/2009	0010065	9,00	8,00	9,50	5,80	**53,40**
16	Vũ Thị Như Thơm	06/05/2009	0010971	9,25	8,50	9,50	5,50	**53,25**
17	Đỗ Ngọc Cẩm Linh	19/06/2009	0010567	8,00	8,25	9,00	6,30	**53,15**
18	Nông Khởi Minh	31/03/2009	0010699	4,75	7,00	9,75	7,20	**52,85**
19	Tạ Bích Hằng	21/10/2009	0010382	9,00	9,00	9,25	5,40	**52,70**
20	Trần Ngọc Nhất Linh	17/06/2009	0010609	7,75	8,00	9,50	5,90	**52,45**
21	Đinh Phương Thảo	25/07/2009	0010932	8,50	9,00	9,50	5,30	**52,40**
22	Nguyễn Hà Anh	05/10/2009	0010064	7,50	8,50	9,25	5,90	**52,20**
23	Trịnh Lan Anh	25/07/2009	0010106	8,00	9,00	9,50	5,40	**52,20**
24	Phạm Hà Chi	30/12/2009	0010222	8,50	8,25	9,00	5,60	**51,55**
25	Ngô Minh Nghĩa	07/02/2009	0010754	8,25	8,50	8,75	5,60	**51,05**
26	Chu Quỳnh Anh	16/10/2009	0010021	8,00	8,50	8,25	5,90	**50,70**
27	Nguyễn Mai Chi	22/11/2009	0010209	8,00	8,75	9,75	4,80	**50,65**
28	Nguyễn Lê Ngọc Lan	26/04/2009	0010535	9,25	8,25	8,75	5,20	**50,60**
29	Nguyễn Tâm Đoan	17/11/2009	0010333	8,00	8,75	8,75	5,40	**50,45**
30	Nguyễn Hương Giang	02/11/2009	0010353	7,50	9,00	9,00	5,30	**50,40**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN TIẾNG PHÁP NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Nông Quỳnh Mai	22/12/2009	0010653	8,75	8,75	9,50	7,30	**58,40**
2	Thân Mai Chi	26/05/2009	0010224	8,25	8,75	9,75	7,10	**57,80**
3	Đỗ Mai Linh	13/08/2009	0010566	8,25	8,25	10,00	7,10	**57,80**
4	Phạm Hà Anh	23/08/2009	0010089	9,25	8,50	9,50	6,90	**57,45**
5	Trần Tâm	12/08/2009	0010912	9,25	8,00	9,75	6,90	**57,45**
6	Đỗ Hoàng Hải Nam	02/07/2009	0010730	9,00	9,00	9,00	6,90	**56,70**
7	Nguyễn Anh Khoa	05/03/2009	0010518	9,50	8,75	8,75	6,90	**56,45**
8	Phạm Vũ Việt Chinh	10/02/2009	0010234	8,00	8,00	9,50	7,00	**56,00**
9	Trần Phương Chi	18/02/2009	0010226	8,25	9,25	9,50	6,40	**55,70**
10	Triệu Vũ Tùng Chi	25/08/2009	0010229	8,25	9,00	9,50	6,30	**55,15**
11	Trần Bảo Lâm	05/07/2009	0010547	8,25	8,50	9,50	6,40	**54,95**
12	Đặng Phạm An Nam	28/08/2009	0010728	8,25	7,50	9,75	6,50	**54,75**
13	Vũ Phương Linh	20/03/2009	0010618	8,75	8,50	9,50	6,00	**54,25**
14	Nguyễn Tuấn Minh	08/07/2009	0010697	8,00	7,75	9,50	6,40	**53,95**
15	Nguyễn Khánh Duy	31/07/2009	0010276	8,00	7,25	9,50	6,40	**53,45**
16	Vũ Khương Duy	11/12/2009	0010280	8,00	8,25	9,75	5,90	**53,45**
17	Nguyễn Thị Hằng Giang	19/12/2009	0010354	8,50	8,50	9,50	5,80	**53,40**
18	Trần Bảo Nhiên	27/07/2009	0010823	7,25	8,50	9,50	6,20	**53,35**
19	Nguyễn Hải Đăng	25/06/2009	0010326	8,00	8,25	9,75	5,60	**52,55**
20	Đỗ Thị Thanh Thảo	02/09/2009	0010933	8,25	8,00	8,75	6,00	**51,75**
21	Nguyễn Quang Trường	02/01/2009	0011042	7,00	6,50	10,00	6,00	**51,50**
22	Phạm Trung Nghĩa	04/07/2009	0010755	7,50	8,25	9,00	5,90	**51,45**
23	Nguyễn Đức Lâm	14/03/2009	0010544	6,50	6,50	8,50	7,10	**51,30**
24	Nguyễn Huy Hoàng	15/01/2009	0010429	8,50	8,00	9,25	5,40	**51,20**
25	Đặng Hà Linh	17/01/2009	0010562	8,50	8,50	8,75	5,40	**50,70**
26	Cao Ngọc Minh	06/09/2009	0010662	8,75	8,50	8,75	5,30	**50,65**
27	Lâm Nhật Quang	26/08/2009	0010874	6,50	8,25	8,75	6,10	**50,55**
28	Đỗ Vũ Nguyên Phương	06/08/2009	0010845	7,00	7,75	9,50	5,60	**50,55**
29	Nguyễn Quỳnh Hương	24/07/2009	0010490	8,75	8,25	9,25	5,00	**50,50**
30	Nguyễn Vũ Quyên	24/11/2009	0010892	6,75	8,00	9,00	5,90	**50,45**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

Trần Văn Hưng

SỞ GDĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 - CHUYÊN TIẾNG TRUNG NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Điểm thi				Điểm XT
				Toán	Văn	T.Anh	Chuyên	
1	Lê Thị Lan Anh	21/01/2009	0010052	9,00	9,00	10,00	8,40	**63,20**
2	Đặng Lê Thùy Anh	17/06/2009	0010027	8,25	8,50	10,00	8,70	**62,85**
3	Trần Ngọc Linh	17/03/2009	0010608	9,25	8,50	10,00	8,20	**62,35**
4	Nịnh Thái Hà	14/06/2009	0010369	9,50	8,00	10,00	7,50	**60,00**
5	Đặng Thành Đạt	16/06/2009	0010315	9,25	7,50	9,75	7,90	**59,95**
6	Đỗ Thành Nam	29/05/2009	0010731	9,00	8,25	9,75	7,70	**59,85**
7	Phan Bảo Châu	12/01/2009	0010185	8,50	8,50	9,50	7,80	**59,40**
8	Nguyễn Thùy An	12/10/2009	0010011	9,50	9,00	9,75	7,00	**59,00**
9	Phạm Xuân Huy	03/07/2009	0010455	9,25	8,00	9,75	7,00	**57,75**
10	Trần Phương Thảo	02/10/2009	0010957	9,00	8,25	10,00	6,80	**57,65**
11	Đàm Thị Giang Lam	27/03/2009	0010531	8,75	8,75	9,75	6,80	**57,40**
12	Đoàn Hà Linh	12/01/2009	0010564	8,75	9,00	9,75	6,70	**57,35**
13	Đinh Khánh Linh	30/11/2009	0010563	8,00	8,75	10,00	6,40	**55,95**
14	Nguyễn Bảo Ngọc	10/01/2009	0010772	7,75	7,75	9,50	7,10	**55,80**
15	Đường Phương Thuý	30/03/2009	0010980	8,00	8,50	9,75	6,60	**55,80**
16	Dương Hà Vân	28/11/2009	0011067	7,25	8,75	10,00	6,60	**55,80**
17	Hà Lê Vĩnh Lộc	26/02/2009	0010632	8,00	8,50	8,50	7,40	**55,70**
18	Phạm Đức Mạnh	02/03/2009	0010657	8,75	8,25	9,75	6,30	**55,40**
19	Nguyễn Long Vũ	24/10/2009	0011086	8,50	7,75	9,50	6,70	**55,35**
20	Nguyễn Vũ Phong	13/09/2009	0010835	8,00	8,25	9,00	7,00	**55,25**
21	Nông Hương Giang	19/01/2009	0010357	8,75	8,25	9,50	6,40	**55,20**
22	Đỗ Nhật Minh	27/08/2009	0010672	7,75	7,25	9,75	6,80	**54,90**
23	Phạm Hoàng Yến	08/08/2009	0011103	8,00	7,75	9,00	7,00	**54,75**
24	Nguyễn Khánh Chi	07/03/2009	0010208	9,25	8,75	9,00	6,10	**54,30**
25	Lê Hoàng Mai Linh	26/06/2009	0010574	8,25	8,50	9,25	6,30	**54,15**
26	Nguyễn Thị Thanh Trà	26/06/2009	0011015	8,25	8,00	9,50	6,30	**54,15**
27	Lê Nguyễn Hoàng Hà	31/01/2009	0010365	8,00	8,50	9,00	6,50	**54,00**
28	Nguyễn Thuý Hiền	16/01/2009	0010396	8,25	7,75	10,00	6,00	**54,00**
29	Nguyễn Hoàng Minh	22/09/2009	0010689	8,75	8,25	9,25	6,10	**53,80**
30	Vũ Tâm Như	29/08/2009	0010827	7,00	8,25	9,50	6,50	**53,75**

Ấn định danh sách này có 30 học sinh

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2024

DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

Trần Văn Hưng